

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY
TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG
(Từ ngày 03/11 đến ngày 09/11/2017)

Phần thứ 1
TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Các tỉnh Bắc bộ

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
- Ngô đông	2 -5 lá - trổ cờ, phun râu	57.548
- Cây đậu tương	2-4 lá, PTTL	2.684
- Rau họ hoa thập tự	Cây con-phát triển thân lá	19.689
- Cây ăn quả		
<i>Cam, quýt, bưởi</i>	<i>Phát triển quả - thu hoạch</i>	46.764
<i>Nhãn, vải</i>	<i>PT lộc, chăm sóc</i>	78.519
<i>Na</i>	<i>Chăm sóc</i>	6.641
- Mía	Tích lũy đường - thu hoạch	16.594
- Sắn	Phát triển củ	58.154
- Chè	Phát triển búp – thu hái	89.531
- Cà phê	KTCB - Phát triển quả	16.077

2. Các tỉnh Bắc Trung bộ

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
- Lúa Hè Thu - Mùa	Trổ - Chín - Thu hoạch	1.696
- Ngô Hè Thu	Chín sữa- chín sấp	35.276,90
- Cây lạc đông	Phân cành - ra hoa	3.558,50
- Rau các loại	Mới trồng - phát triển thân lá	14.900,40
- Cây sắn	Phát triển củ - thu hoạch	49.159
- Cây mía	Vươn lóng-tích lũy đường	55.595,50
- Cây cam, chanh	Quả già- Thu hoạch	20.232
- Cây cà phê	Thu hoạch	5.661
- Cây hồ tiêu	Phân hóa hoa - ra hoa	3.657
- Cây chè	KTCB - KD	11.538

3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
- Cây lúa:		255.868
<i>Lúa Hè Thu</i>	<i>Thu hoạch xong</i>	147.564
<i>Lúa rẫy</i>	<i>Trổ -phơi màu, thu hoạch</i>	14.076
<i>Lúa 3 vụ</i>	<i>Chín-thu hoạch</i>	10.457
<i>Lúa vụ 10 +12+lúa gieo</i>	<i>Ngâm sữa-chín</i>	9.469
<i>Lúa mùa</i>	<i>Đẻ nhánh- chín</i>	71.105
<i>Lúa Đông Xuân cực sớm</i>	<i>Đẻ nhánh-làm đồng</i>	3.197
- Cây rau	Nhiều giai đoạn	44.389
- Đậu đỗ vụ 2	Quả non - thu hoạch	27.888
- Ngô vụ 2	PTTL – trổ cờ	119.594
- Lạc vụ 2	Ra hoa- quả non	6.475
- Cây cà phê	Chắc quả - chín, thu hoạch	596.553
- Mía	Vươn lóng - tạo đường	105.470
- Tiêu	Nuôi quả	80.318
- Cây điều	Phát triển thân lá	116.809
- Cây sắn	Nuôi củ - tích lũy bột	152.712
- Thanh long	Ra hoa - trái chín	27.281
- Cây dừa	Trái	10.998

4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
- Lúa Thu Đông- Mùa 2017		993.054
	<i>Đòng-trổ-chín</i>	449.007
	<i>Thu hoạch xong</i>	544.047
- Lúa Đông Xuân 2017-2018		211.028
	<i>Mạ</i>	91.453
	<i>Đẻ nhánh</i>	94.788
	<i>Đòng-trổ</i>	21.985
	<i>Chín</i>	2.777
	<i>Thu hoạch</i>	25
- Cây bắp	Các giai đoạn	26.877
- Cây có múi	Phát triển quả, thu hoạch	89.936
- Cây thanh long	Ra hoa – thu hoạch	15.220
- Cây nhãn	Ra coi, ra đọt	33.165
- Cây cà phê	Nuôi trái	38.820
- Cây hồ tiêu	Nuôi trái	45.183
- Cây điều	Chăm sóc, chuẩn bị ra hoa	184.174
- Cây dừa	Khai thác	143.872

Phần thứ 2 SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG

I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN

1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

1.1. Cây lúa

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 5.211 ha (tăng 1.364 ha so với kỳ trước, giảm 813 ha so với CKNT), nặng 50 ha, phòng trừ 960 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh VL, LXL:** Diện tích nhiễm 787,6 ha (giảm 279,5 ha so với kỳ trước, tăng 420 ha so với CKNT), nặng 141 ha. Phân bố tại, Long An (63,1 ha), An Giang (551,5 ha, nặng 49,8 ha), Hồ Chí Minh (32 ha), Đắk Nông (141 ha, nặng 91,2 ha).

- **Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn hại lá:** Diện tích nhiễm 18.012 ha (tăng 2.556 ha so với kỳ trước, giảm 2.615 ha so với CKNT), nặng 352 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam (15.882 ha, nặng 88 ha).

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 1.434 ha (tăng 793 ha so với kỳ trước, tăng 30 ha so với CKNT). Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 2.811 ha (tăng 2.137 ha so với kỳ trước, giảm 1.091 ha so với CKNT), phòng trừ 1.380 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Sâu đục thân:** Diện tích nhiễm 1.208 ha (giảm 109 ha so với kỳ trước, giảm 188 ha so với CKNT), nặng 20 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 11.151 ha (tăng 3.361 ha so với kỳ trước). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 2.163 ha (tăng 515 ha so với kỳ trước, giảm 825 ha với CKNT). Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 2.862 ha (tăng 404 ha so với kỳ trước, giảm 2.904 ha với CKNT). Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- **Chuột:** Diện tích hại 5.108 ha (tăng 1.557 ha so với kỳ trước, tăng 710 ha so với CKNT), nặng 19 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- **Ốc brou vàng:** Diện tích hại 3.105 ha (giảm 476 ha so với kỳ trước, giảm 421 ha so với CKNT), nặng 12 ha, mất trắng 02 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Ngoài ra, Bệnh vàng lá (202 ha), nhện gié (400 ha), bọ trĩ (307 ha)....

Trong tuần do ảnh hưởng của mưa bão kéo dài làm thiệt hại 5.259 ha lúa (thiệt hại >70%). Tại các tỉnh Tp. Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Phú Yên, Đắk Nông, Đắk Lắk.

1.2. Cây ngô:

- Bệnh lùn sọc đen: Hại diện hẹp tỷ lệ phổ biến 1-3%, cao 5-10% số cây (Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hưng Yên). Diện tích nhiễm 20,2 ha (Hải Phòng 10,2 ha, Bắc Giang 8 ha, Thái Nguyên 2 ha), nặng 0,2 ha.

- Các đối tượng khác: bệnh đốm lá (317 ha), bệnh khô vằn (317 ha), rệp (145 ha)... gây hại nhẹ.

1.3. Các loại rau màu:

- Cà chua: Diện tích nhiễm 846 ha (giảm 30 ha so với kỳ trước), nhiễm nặng 355 ha (Lâm Đồng).

- Các đối tượng khác gây hại nhẹ: Bọ nhảy (178,3 ha), sâu tơ (185 ha), bệnh mốc sương (943 ha, nặng 18 ha)...

1.4. Cây nhãn: Bệnh chổi rồng nhiễm 5.710 ha (tăng 14 ha so kỳ trước, giảm 4.302 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.470 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

1.5. Cây thanh long: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 6.528 ha (tăng 142 ha so kỳ trước, tăng 385 ha so CKNT), nhiễm nặng 55 ha, phòng trừ 5.161 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Long An, Tiền Giang, Đồng Nai,...

1.6. Cây ăn quả có múi: Bệnh Greening diện tích nhiễm 2.936 ha (giảm 32 ha so với kỳ trước, giảm 989 ha so CKNT), nặng 119 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Nai,...

1.7. Cây dứa: Bọ cánh cứng hại diện tích 10.171 ha (tăng 15 ha so với kỳ trước, giảm 9.105 ha so với CKNT) nặng 1.784 ha, chủ yếu tại các tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, Hậu Giang, Hồ Chí Minh...

1.8. Cây hồ tiêu

- **Tuyến trùng rễ:** Diện tích nhiễm 6.483 ha (giảm 56 ha so với kỳ trước, giảm 24 ha so với CKNT) nặng 1.837 ha, phòng trừ 1.032 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Phú Yên...

- **Bệnh chết chậm:** Diện tích nhiễm 5.780 ha (giảm 117 ha so với kỳ trước, tăng 444 ha so CKNT), diện tích nhiễm nặng 1.574 ha, mất trắng 0,05 ha, phòng trừ 1.358 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Dương...

- **Bệnh chết nhanh:** Diện tích nhiễm là 1.807 ha (tăng 101 ha so với kỳ trước, tăng 414 ha so với CKNT), nhiễm nặng 99 ha, mất trắng 0,8 ha, phòng trừ 872 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Phước...

1.9. Cây cà phê

- **Bệnh khô cành:** Diện tích nhiễm 14.358 ha (tăng 3.424 ha so với kỳ trước, giảm 521 ha so CKNT), nhiễm nặng 22 ha, phòng trừ 2.859 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

- **Bệnh gỉ sắt:** Diện tích nhiễm 11.521 ha (tăng 1.692 ha so với kỳ trước, tăng 273 ha so CKNT), nhiễm nặng 112 ha, phòng trừ 10.439 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Trị...

1.10. Cây điều

- **Bọ xít muỗi:** Diện tích nhiễm 18.337 ha (tăng 1.533 ha so với kỳ trước, tăng 10.108 ha so CKNT), nặng 149 ha, phòng trừ 1.928 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Gia Lai, Đắk Lắk...

- **Bệnh thán thư:** Diện tích nhiễm 19.487,6 ha (tăng 7.266 ha so với kỳ trước, tăng 10.454 ha so CKNT), nặng 148 ha, phòng trừ 1.754 ha. Tập trung tại Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Đắk Lắk...

1.11. Cây sắn (mì): Bệnh khảm lá

- Tổng diện tích nhiễm là 5.897 ha (không tăng so với kỳ trước), nhiễm nặng 158 ha, mất trắng 581 ha. Phân bố tại 02 tỉnh Tây Ninh và Bình Dương:

+ Tây Ninh: Diện tích nhiễm 5.862 ha, nhiễm nặng 153 ha, diện tích mất trắng 581 ha. Diện tích phun thuốc trừ bọ phấn trắng là 5.907 ha, gồm: diện tích nhiễm: 5.800 ha và diện tích mì liền kề 107 ha.

+ Bình Dương: Diện tích nhiễm 35 ha, nhiễm nặng 05 ha.

(*) Châu chấu tre

Châu chấu tre: Mật độ phổ biến 1-5 c/m², cao 15 c/m²(Điện Biên). Diện tích nhiễm 80 ha (giảm 35 ha so với CKNT).

(*) Ảnh hưởng của mưa bão:

Trong tuần do ảnh hưởng của mưa bão kéo dài làm thiệt hại 4.105 ha ngô, 2158 ha rau màu, >15.000 ha mía...Tại các tỉnh Tp. Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Phú Yên, Đắk Nông, Đắk Lắk.

2. Các chủ trương, biện pháp đã triển khai, thực hiện

- Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV các tỉnh phía Nam tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy nâu vào đên, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống “né rầy” hiệu quả. Đồng thời, kết hợp điều tra diễn biến bệnh VL-LXL và tiếp tục lấy mẫu rầy nâu kiểm tra xác định tỷ lệ nhiễm virus phục vụ công tác chỉ đạo.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt văn bản số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng.

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh chủ động phòng chống bệnh đốm nâu hại thanh long; bệnh chổi rồng hại nhãn, bệnh chết nhanh chết chậm hại hồ tiêu, bệnh khô cành trên cây cà phê; bệnh thán thư và bọ xít muỗi hại điều; bọ cánh cứng hại dứa.

- Tỉnh Tây Ninh, Bình Dương tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống bệnh khảm lá sắn, rà soát thống kê diện tích nhiễm nặng, khoanh vùng xử lý bọ phấn và tiêu hủy nguồn bệnh theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các địa phương tiếp tục theo dõi các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa và các cây trồng khác. Phát hiện và hướng dẫn phòng trừ trên những diện tích có mật độ, tỷ lệ cao.

- Các tỉnh tiếp tục triển khai đề án IPM và đề án ứng dụng biện pháp sinh học trong phòng trừ bọ cánh cứng hại dứa.

II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

1. Trên lúa

1.1. Các tỉnh phía Bắc

- Các đối tượng như: Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá, chuột, nhện gié, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, lem lép,... tiếp tục gây hại nhẹ trên lúa Mùa muộn tại Hà Tĩnh.

1.2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên

- Trên lúa Đông Xuân cực sớm giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng các đối tượng bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông,... hại lúa nhẹ trên lúa,.. và ở giai đoạn mạ - đẻ nhánh sâu năn, sâu keo, bọ trĩ, dòi đục nõn...phát sinh gây hại nhẹ.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh bạc lá... hại lúa Mùa giai đoạn đẻ nhánh –chín.

- Chuột: gây hại cục bộ trên lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh và trên lúa gieo.

- OBV: Di chuyển và lây lan theo nguồn nước và gây hại diện rộng sau mưa lũ.

1.3. Các tỉnh phía Nam

- Rầy nâu: phổ biến tuổi 2-4, gây hại chủ yếu ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, hại nặng cục bộ trên lúa giai đoạn làm đòng trổ.

- Bệnh bạc lá có khả năng phát triển mạnh trên lúa giai đoạn cuối đẻ nhánh đến trổ, trên những diện tích lúa quá tốt do bón thừa phân đạm, nhất là trên các giống nhiễm C10, OM 4900, OM 5451, OM7347....

Ngoài các đối tượng nêu trên, cần lưu ý đối với OBV ở giai đoạn mạ; bệnh đạo ôn giai đoạn đẻ nhánh- đòng trổ; chuột, bệnh lem lép hạt ở giai đoạn trổ chín. Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại nhẹ.

2. Trên cây trồng khác

- Trên ngô và cây rau màu: Sâu xám, sâu cắn lá, bệnh lùn sọc đen, bệnh đốm lá, bệnh lùn sọc đen ... tiếp tục gây hại nhẹ trên ngô tại một số tỉnh Bắc Bộ; Bọ nhảy, sâu xanh, sâu khoang, bệnh thối nhũn, bệnh mốc sương, bệnh héo xanh ...tiếp tục hại nhẹ - trung bình trên cây rau.

- Cây hồ tiêu: Tuyến trùng rễ, bệnh chết chậm giảm; bệnh chết nhanh... gây hại tăng nhẹ.

- Cây cà phê: Bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt; rệp vảy xanh, rệp sáp, bệnh đốm mắt cua, ... gây hại tăng.

- Cây có múi: Bệnh greening, sâu đục quả, bệnh loét... giảm nhẹ; Sâu vẽ bùa, ruồi đục quả, bệnh loét, bệnh sẹo ... hại tăng.

- Cây thanh long: Bệnh đốm nâu tăng nhẹ.

- Cây nhãn: Nhện lông nhung, bệnh chồi rỗng hại nhãn ... tiếp tục gây hại.

- Bọ cánh cứng hại dứa tiếp tục gây hại.

- Cây điều: Bọ xít muỗi và bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại tăng.

- Cây mía: Bệnh chồi cỏ, bệnh trắng lá... gây hại cục bộ mía ở vùng ổ dịch.

- Cây sắn: Nhện đỏ, bệnh chồi rỗng, bệnh khảm lá sắn ... tiếp tục gây hại.

* **Châu chấu tre**: Châu chấu tre tiếp tục co cụm, ghép đôi, đẻ trứng và chết sinh lý.

Phần thứ 3

ĐỀ NGHỊ

1. Các tỉnh phía Bắc

- Bệnh lùn sọc đen:

+ Trên lúa: Tiếp tục rà soát và xác định những diện tích lúa bị bệnh, chỉ đạo tiêu hủy tàn dư sau thu hoạch (theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2010/TT-BNNPTNT ngày 05/10/2010 của Bộ NN&PTNT).

+ Trên ngô: Các chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các tỉnh tăng cường kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến bệnh lùn sọc đen trên ngô. Thực hiện tốt công văn số 3228/BNN-BVTV ngày 5 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn một số biện pháp cơ bản phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại ngô.

- Theo dõi sâu bệnh trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh hại cao.

2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên

- Các chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật điều tra bệnh VL-LXL, thống kê, đánh giá tình hình phát sinh bệnh lùn sọc đen theo công văn 2489/BVTV-TV ngày 23/10/2017 của Cục Bảo vệ thực vật. Chủ động trong phòng chống bệnh lùn sọc đen trong vụ sản xuất Đông Xuân 2017-2018.

- Điều tra sinh vật gây hại chuyển vụ kết hợp theo dõi côn trùng vào đèn để phục vụ tốt công tác dự tính dự báo sinh vật gây hại cho vụ Đông Xuân 2017-2018.

- Các địa phương bị thiệt hại do lũ gây ra cần tích cực khắc phục kịp thời, vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị gieo sạ vụ Đông Xuân 2017-2018 theo đúng lịch thời vụ.

- Ra quân diệt chuột, OBV; Nắm bắt tình hình sản xuất thực tế ở địa phương, chủ động xây dựng phương án chỉ đạo chăm sóc và bảo vệ tốt sản xuất ngay từ đầu vụ.

- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu, rầy lưng trắng... gây hại trên lúa giai đoạn trổ - chín; trên lúa Mùa, lúa gieo giai đoạn đòng trổ cần lưu ý các đối tượng sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ.

- Theo dõi các đối tượng sâu ăn lá, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, sâu đục thân, bệnh đốm lá, bệnh gỉ sắt... hại lạc, đậu đỗ, ngô vụ 2 ở Tây Nguyên; bệnh virus, sâu xanh, sâu tơ, sâu đục quả, bệnh thối nhũn, phấn trắng... hại rau màu.

- Tiếp tục kiểm tra xử lý kịp thời bệnh chổi rồng, đốm lá, nhện đỏ, rệp sáp bột hồng... hại sắn; Sâu non bọ hung, xén tóc, sâu đục thân, bệnh trắng lá, bệnh than,...hại mía.

- Tiếp tục theo dõi bệnh nứt thân xì mù, bệnh nấm hồng, rệp sáp ... hại cây sầu riêng tại Khánh Hòa, Lâm Đồng.

- Theo dõi các đối tượng: rệp sáp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt...trên cà phê giai đoạn chắc quả - thu hoạch; Tuyến trùng rễ, rệp sáp, bệnh chết nhanh, bệnh chết

chậm,...hại hồ tiêu giai đoạn nuôi quả; bọ xít muỗi, bệnh nấm hồng ...hại điều giai đoạn phát triển thân lá.

- Tiếp tục theo dõi bệnh đốm nâu, bệnh thối rễ tộp cành, bệnh thán thư,...hại trên cây thanh long ở Bình Thuận. Tăng cường tuyên truyền phổ biến kỹ thuật và quản lý bệnh đốm nâu hại thanh long theo công văn số 1162/BVTV - QLSVGHR của Cục BVTV ngày 28/6/2016.

3. Các tỉnh phía Nam

- Thực hiện tốt công tác dự tính dự báo, nhất là tình hình rầy di trú để thông tin, cảnh báo, điều chỉnh lịch xuống giống tập trung, đồng loạt và né rầy cho từng khu vực.

- Kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền vi rút gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá cho lúa Đông Xuân sớm 2017-2018.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp quản lý bọ xít muỗi và bệnh thán thư hại điều theo quy trình kỹ thuật của Cục Bảo vệ thực vật.

- Bệnh đốm nâu phát sinh phát triển nhanh nhất là giai đoạn mang trái ở các vùng chuyên trồng thanh long Tiền Giang và Long An trong điều kiện mưa nắng xen kẽ. Khuyến cáo nông dân vệ sinh tốt vườn, khi xuất hiện bệnh áp dụng quy trình phòng trừ của Cục bảo vệ thực vật.

- Các tỉnh có trồng sắn tại khu vực Đông Nam Bộ (Tây Ninh, Bình Dương...) cần tiếp tục theo dõi diễn biến bệnh khảm trên cây mì, thực hiện các biện pháp phòng chống và tiêu hủy cây khoai mì nhiễm bệnh khảm lá theo đúng qui trình.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình sinh vật gây hại trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý, phòng trừ kịp thời.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dừa và bọ đuôi kim cung cấp cho các tỉnh; các tỉnh trong cả nước thực hiện văn bản số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu và công văn số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục BVTV;
- Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);
- Trung tâm BVTV vùng;
- Trung tâm tin học thống kê của Bộ;
- Báo NNVN; Đài VTC16;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Quý Dương

DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG

(Từ ngày 03/11 đến ngày 09/11/2017)

TT	Tên dịch hại	Diện tích nhiễm (ha)				DTN nhiễm so		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố tập trung
		Tổng số	Nhẹ-TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	CKNT		
1	Đạo ôn lá hại lúa	18.012	17.660	352		2.556	-2.615	1.554	Các tỉnh phía Nam
2	Đạo ôn cổ bông hại lúa	1.434	1.434	0		793	30		Các tỉnh phía Nam
3	Rầy hại lúa	5.211	5.161	50		1.364	-813	960	Các tỉnh Phía Nam
4	Sâu đục thân hại đánh héo	1.208	1.188	20		-109	-188		ST, BL, LA, VL, ĐNA, TN, GL, BTH
5	Bệnh VL, LXL hại lúa	787,6	646,6	141		-279,5	420		AG, LA, HCM, ĐNông
6	Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa	2.811	2.811			2.137	-1.091	1.380	BL, TN, ST, AG, TG, ĐT, HCM
7	Bệnh bạc lá lúa	11.151	11.151			3.361	2.372		BL, TG, LA, ĐN, ĐT, BTR, ST, BTH
8	Chuột hại lúa	5.108	5.089	19		1.557	710		ST, BL, CM, AG, TV, LA, ĐN
9	Ốc bươu vàng	3.105	3.091	12	2	-476	-421		ST, ĐNA, BP, HCM, KG, VL
10	Bệnh khô vằn hại lúa	2.163	2.163			515	-825		LA, ĐNA, VL, ST, TG, BL, TN, BTH, GL, Đ
11	Bệnh đen lép hạt	2.862	2.862			404	-2.904		AG, ĐT, ST, KG, TN, TG, ĐN
12	Chổi rồng nhần	5.710	4.240	1.470		14	-4.302		VL, STr, CT, ĐT, BP, HG, TG, BTr, ĐN
13	Bệnh đốm nâu thanh long	6.528	6.473	55		142	385	5.161	BTH, LA, TG, ĐN, BR-VT
14	Bệnh Greening hại cây có múi	2.936	2.817	119		-32	-989		VL, TG, HG, STr, ĐN
15	Bọ cánh cứng hại dừa	10.171	8.387	1.784		15	9.105		CM, BTr, TG, KG, TV, STr, HG, HCM
16	Tuyến trùng hại tiêu	6.483	4.646	1.837		-56	-24	1.032	GL, ĐL, ĐN, BP, ĐN, PY, KG,

TT	Tên dịch hại	Diện tích nhiễm (ha)				DTN nhiễm so		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố tập trung
		Tổng số	Nhẹ-TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	CKNT		
17	Bệnh chết chậm hại tiêu	5.780	4.206	1.574	0,05	-117	444	1.358	PY, KH, GL, LD, ĐN, BP, ĐN, KG, VT, BTh, BD
18	Bệnh chết nhanh hại tiêu	1.807	1.708	99	0,8	101	414	872	K-Hòa, G.Lai, Đ.Lăk, Đ.Nông BP, ĐN, KG, LD
19	Bệnh khô cành cà phê	14.358	14.336	22		3.424	-521	2.859	G.Lai, L.Đông, Đlăk, Q.Tri
20	Bệnh gỉ sắt hại cà phê	11.521	11.409	112		1.692	273	10.439	Lai, L.Đông, Đlăk, Q.Tri
21	Bọ xít muỗi hại điều	18.337	18.188	149		1.533	10.108	1.928	BP, ĐN, LD
22	Thán thư hại điều	19487,6	19.340	148		7.266	10.454	1.754	BP, ĐN, LD
23	Bệnh khảm lá virus sắn (mì)	5.897	5.158	158	581,0	-	5897		TN, BD

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT